VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 16 /QĐ-VKSTC	*Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 1

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 84/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về thành lập VKSND cấp tỉnh, VKSND khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Viện kiểm sát nhân dân khu vực;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-VKSTC ngày 01/8/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng trụ sở làm việc trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-VKSTC ngày 01/8/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành quy mô đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân các cấp;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-VKSTC ngày 18/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc phân cấp phê duyệt các dự án đầu tư trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-VKSTC ngày 19/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao đơn vị lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định, đánh giá nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư xây dựng nhóm B,C sử dụng vốn đầu tư công trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-TANDTC ngày 13/01/2026 của Tòa án nhân dân tối cao về việc điều chuyển tài sản của Tòa án nhân dân tối cao sang Viện kiểm sát nhân dân tối cao quản lý, sử dụng;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 1 số 84/BC-C3 ngày 04/02/2026 của Cục Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Căn cứ Tờ trình số 77/TTr-VKS-VP ngày 05/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình trình quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 1;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 1 do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình quản lý dự án.

1. Mục tiêu đầu tư: xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 1 đảm bảo đáp ứng yêu cầu về diện tích làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành về định mức tiêu chuẩn diện tích trụ sở cơ quan và quy mô tiêu chuẩn của Ngành.

2. Quy mô đầu tư: Dự án xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 1 gồm 02 công trình: Xây dựng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 và cải tạo mở rộng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2.

2.1. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10.

- Diện tích đất xây dựng: 5.591,6m^2 .

- Tổng diện tích sử dụng các hạng mục công trình (chưa bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc...) tối đa là 2.655 m^2. Bao gồm:

+ Xây mới Nhà làm việc, Gara ô tô, Nhà xe 02 bánh: diện tích sử dụng 1.090,24 m^2.

+ Xây mới Nhà lưu trú công vụ, Nhà ăn, bếp: diện tích sử dụng 290 m^2.

+ Xây mới Nhà bảo vệ và tiếp dân: diện tích xây dựng 67 m^2.

+ Xây mới Nhà để máy bơm, máy phát điện: 20 m^2.

+ Xây mới Nhà rèn luyện thể chất có mái che: diện tích 350 m^2.

+ Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc cũ: diện tích sử dụng 757,68 m^2

+ Cải tạo, chuyển vị trí Nhà để xe cũ: diện tích sử dụng 80,08 m^2

+ Hạ tầng kỹ thuật: Cổng, hàng rào, sân đường, chống mối, hệ thống thông tin liên lạc, camera, hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện nước ngoài nhà, cây xanh, phá dỡ nhà cũ để giải phóng mặt bằng.

2.2. Cải tạo mở rộng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2.

- Diện tích đất xây dựng: 4.986,7 m^2.

- Tổng diện tích sử dụng các hạng mục công trình (chưa bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc...) tối đa là 2.371 m^2. Bao gồm:

+ Xây mới nhà làm việc, Gara ô tô, Nhà xe 02 bánh: diện tích sử dụng 929 m^2.

+ Xây mới nhà lưu trú công vụ, Nhà ăn, bếp: diện tích sử dụng 151 m^2.

+ Xây mới nhà tiếp dân: diện tích sử dụng 53,5 m^2.

+ Xây mới nhà để máy phát điện, máy bơm: diện tích sử dụng 20 m^2.

+ Xây mới nhà rèn luyện thể chất có mái che: diện tích sử dụng 350 m^2.

+ Cải tạo, sửa chữa công trình cũ: nhà làm việc 3 tầng, nhà lưu trú công vụ, nhà bảo vệ, nhà xe *(Chống dột, sửa chữa đường ống nước khu wc, sửa chữa hệ thống điện, sơn tường, sơn cửa...):* diện tích sử dụng 867,5 m^2.

+ Cải tạo, sửa chữa, bổ sung hạ tầng kỹ thuật: sân đường, cổng hàng rào, điện, nước ngoài nhà, PC&CC ngoài nhà, cây xanh….

3. Nhóm dự án: dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án tối đa: **70.000.000.000** đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: ngân sách trung ương.

6. Địa điểm thực hiện dự án:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10: xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình.

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2: phường Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

7. Thời gian thực hiện dự án: năm 2026-2028.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Giai đoạn chuẩn bị dự án: năm 2025-2026;
- Giai đoạn thực hiện dự án: năm 2026 - 2028;
- Giai đoạn kết thúc dự án: năm 2028.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình chịu trách nhiệm toàn diện về các thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo nghiên cứu khả thi của Dự án xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 1. Thực hiện phê duyệt quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, pháp luật liên quan và quy định phân cấp quản lý đầu tư trong ngành Kiểm sát nhân dân. Thực hiện việc thanh lý tài sản theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Quy định phân cấp quản lý tài sản dông trong ngành Kiểm sát nhân dân.

2. Giao cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình làm Chủ đầu tư dự án.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Cục Tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo quy định của pháp luật./.

(Quyết định này thay thế Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án số 235/QĐ-VKSTC ngày 24/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (03b);
- Đ/c Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Lưu VT, C3.
C1 (10b).

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Nguyễn Duy Giảng

PHỤ LỤC I
KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN: XÂY DỰNG TRỤ SỞ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH GIAI ĐOẠN 1

(phụ lục kèm theo Quyết định số: 16 /QĐ-VKSTC ngày 06 /02/2026)

ĐVT: triệu đồng

TT	Công trình	Giá trị	Ghi chú
I	**Chi phí xây dựng**	**48.433**	**G1**
1	*VKSND khu vực 10*	30.471	
2	*CTMR VKSND khu vực 2*	17.962	
II	**Chi phí thiết bị**	**6.900**	**G2**
1	*VKSND khu vực 10*	5.100	
2	*CTMR VKSND khu vực 2*	1.800	
III	**Chi phí QLDA, tư vấn, chi phí khác =15% * (G1+G2)**	**8.300**	**Gk**
IV	**Chi phí dự phòng =10%*(G1+G2+Gk)**	**6.367**	**Gdp**
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	**70.000**	

PHỤ LỤC II
KHÁI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG, THIẾT BỊ
CÔNG TRÌNH: TRỤ SỞ VKSND KHU VỰC 10
DỰ ÁN: XÂY DỰNG TRỤ SỞ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH GIAI ĐOẠN 1

(phụ lục kèm theo Quyết định số 46/QĐ-VKSTC ngày 06/02/2026)

Biên chế + hđ hiện tại : 26 +3 =29 người
Nhóm: 2 cấp khu vực
Diện tích đất xây dựng: 5.591,6 m2 đất cũ + đất tiếp nhận của Tòa án nhân dân khu vực 10
Địa điểm xây dựng: xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
Áp dụng suất vốn đầu tư theo Quyết định số 409/QĐ-BXD ngày 11/04/2025 của Bộ Xây

ĐVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Quy mô (DTSD)	Đơn vị	Hệ số sàn	Suất vốn ĐT (Vùng2)		Thành tiền	Ghi chú
					Suất vốn	Hệ số vùng		
	Chi phí Xây dựng và thiết bị công trình *(Thiết bị gồm các thiết bị phục vụ vận hành, máy bơm nước, PCCC, điều hòa, quạt điện)*						**30.471**	**Gxd**
1	Xây mới nhà làm việc, Gara ô tô, Nhà xe 02 bánh (≤ 5 tầng)						10.468	
	Xây dựng	*1.090,24*	*m2*	*1,2*	7,342	*0,922*	*8.856*	
	Thiết bị	*1.090,24*	*m2*	*1,2*	1,232	*1,000*	*1.612*	
2	Xây mới Nhà lưu trú công vụ, Nhà ăn+bếp						2.784	
	Xây dựng	*290*	*m2*	*1,2*	7,342	*0,922*	*2.356*	
	Thiết bị	*290*	*m2*	*1,2*	1,232	*1,000*	*429*	
3	Xây mới Nhà bảo vệ, tiếp dân						590	
	Xây dựng	*67*	*m2*	*1,1*	7,342	*0,922*	*499*	
	Thiết bị	*67*	*m2*	*1,1*	1,232	*1,000*	*91*	
4	Xây mới Nhà máy phát điện, máy bơm							
	Xây dựng	*20*	*m2*	*1,1*	*5,000*	*1,000*	110	
5	Khu rèn luyện thể chất							
	Nhà rèn luyện thể chất có mái che	*350*	*m2*	*1,1*	*5,000*	*1,000*	1.925	
6	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc cũ (tạm tính)	*757,68*	*m2*				4.714	
7	Cải tạo, chuyển vị trí Nhà để xe cũ (tạm tính)	*80,08*	*m2*				80	
8	Cổng, tường rào (tạm tính)						1.500	
9	Sân đường nội bộ, cột cờ (tạm tính)						2.000	
10	Hệ thống cấp điện, chiếu sáng ngoài nhà, đường dây đấu nối về trụ sở... (tạm tính)						1.200	

TT	Hạng mục	Quy mô (DTSD)	Đơn vị	Hệ số sàn	Suất vốn ĐT (Vùng2)		Thành tiền	Ghi chú
					Suất vốn	Hệ số vùng		
11	Hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà, xử lý nước thải... (tạm tính)						1.200	
12	Hệ thống thông tin liên lạc: Thông tin, Camera (xây lắp) (tạm tính)						1.200	
13	Phòng cháy chữa cháy ngoài nhà, Bể nước sinh hoạt + chữa cháy (xây lắp) (tạm tính)						1.000	
14	Chống mối (tạm tính)						600	
15	Cây xanh cảnh quan (tạm tính)						600	
16	Phá dỡ nhà cũ (tạm tính)						500	
II	**Thiết bị**						**5.100**	Gtb
1	Đồ gỗ, mành rèm						1.500	
2	Thiết bị thông tin liên lạc, camera, thiết bị phòng họp trực tuyến...(tạm tính)						1.000	
3	Thiết bị PC&CC						500	
4	Thiết bị Thang máy (tạm tính)						1.500	
5	Máy phát điện dự phòng (tạm tính)						500	
6	Thiết bị khu rèn luyện thể chất (tạm tính)						100	

*** Ghi chú:**

1. Hạng mục xây mới nhà làm việc,Gara ô tô, nhà xe 2 bánh; xây mới nhà lưu trú công vụ, nhà ăn+ bếp; xây mới nhà tiếp dân tính theo suất vốn đầu tư tại Quyết định 409/QĐ-BXD ngày 11/04/2025 của Bộ Xây dựng, các hạng mục còn lại tạm tính lấy theo giá trị do đơn vị trình, tư vấn lập. Khi triển khai các bước tiếp theo, Đơn vị căn cứ các quy định pháp luật hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng để thực hiện đảm bảo đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm.

2. Diện tích sử dụng nêu trên là diện tích sử dụng tối đa.

3. Đối với biên chế tính theo báo cáo của Đơn vị, trường hợp khi phê duyệt dự án biên chế thay đổi theo Quyết định của VKSNDTC làm thay đổi nhóm quy mô xây dựng thì đơn vị phải báo cáo VKSNDTC điều chỉnh cho phù hợp trước khi thực hiện.

4. Chi phí thiết bị đồ gỗ là tối đa. Đồng thời yêu cầu đơn vị rà soát, đánh giá chất lượng các thiết bị hiện đang sử dụng, trường hợp còn sử dụng được cần tận dụng để giảm chi phí đầu tư, tránh lãng phí trong việc quản lý sử dụng tài sản công.

PHỤ LỤC III
KHÁI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG, THIẾT BỊ
CÔNG TRÌNH: TRỤ SỞ VKSND KHU VỰC 2
DỰ ÁN: XÂY DỰNG TRỤ SỞ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH GIAI ĐOẠN 1

(phụ lục kèm theo Quyết định số 16 /QĐ-VKSTC ngày 06/02/2026)

Biên chế + hđ hiện tại : 24+3 = 27 người
Nhóm: 2 cấp khu vực
Diện tích đất xây dựng: 4.986,7 m2 đất cũ
Địa điểm xây dựng: phường Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

Áp dụng suất vốn đầu tư theo Quyết định số 409/QĐ-BXD ngày 11/04/2025 của Bộ Xây dựng.

ĐVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Quy mô (DTSD)	Đơn vị	Hệ số sàn	Suất vốn ĐT (Vùng2)		Thành tiền	Ghi chú
					Suất vốn	Hệ số vùng		
I	**Chi phí Xây dựng và thiết bị công trình** *(Thiết bị gồm các thiết bị phục vụ vận hành, máy bơm nước, PCCC, điều hòa, quạt điện)*						**17.962**	**Gxd**
1	Xây mới Nhà làm việc, Gara ô tô, Nhà xe 02 bánh (≤ 03 tầng)							
	Xây dựng	*929,00*	*m2*	*1,2*	7,342	*0,922*	7.546	
	Thiết bị	*929,00*	*m2*	*1,2*	1,232	*1,000*	1.373	
2	Xây mới Nhà lưu trú công vụ, Nhà ăn+bếp							
	Xây dựng	*151,00*	*m2*	*1,2*	7,342	*0,922*	1.227	
	Thiết bị	*151,00*	*m2*	*1,2*	1,232	*1,000*	223	
3	Xây mới Nhà tiếp dân							
	Xây dựng	*53,50*	*m2*	*1,1*	7,342	*0,922*	398	
	Thiết bị	*53,50*	*m2*	*1,1*	1,232	*1,000*	73	
4	Xây mới Nhà máy phát điện, máy bơm							
	Xây dựng	*20,00*	*m2*	*1,1*	*5,000*	*1,000*	110	
5	Khu rèn luyện thể chất							
	Xây mới Nhà rèn luyện thể chất có mái che	*350,00*	*m2*	*1,1*	*5,000*	*1,000*	1.925	

ĐVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Quy mô	Đơn vị	Hệ số	Suất vốn ĐT (Vùng2)		Thành	Ghi
6	Cải tạo, sửa chữa công trình cũ: nhà làm việc 3 tầng, nhà lưu trú công vụ, nhà bảo vệ, nhà xe *(Chống dột, sửa chữa đường ống nước khu wc, sửa chữa hệ thống điện, sơn tường, sơn cửa...) tạm tính*						2.500	
7	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung hạ tầng kỹ thuật *(sân đường, cổng hàng rào, điện, nước ngoài nhà,, PC&CC ngoài nhà, cây xanh....) tạm tính*						1.800	
8	Bổ sung hệ thống thông tin liên lạc: Thông tin, Camera (xây lắp) (tạm tính)						500	
9	Chống mối (tạm tính)						286	
II	**Thiết bị**						**1.800**	Gtb
1	Đồ gỗ, mành rèm						700	
2	Thiết bị PC&CC						500	
3	Thiết bị thông tin liên lạc, camera						500	
4	Thiết bị khu rèn luyện thể chất						100	

*** Ghi chú:**

1. Hạng mục xây mới nhà làm việc,Gara ô tô, nhà xe 2 bánh; xây mới nhà lưu trú công vụ, nhà ăn+ bếp; xây mới nhà tiếp dân tính theo suất vốn đầu tư tại Quyết định 409/QĐ-BXD ngày 11/04/2025 của Bộ Xây dựng, các hạng mục còn lại tạm tính lấy theo giá trị do đơn vị trình, tư vấn lập. Khi triển khai các bước tiếp theo, Đơn vị căn cứ các quy định pháp luật hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng để thực hiện đảm bảo đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm.

2. Diện tích sử dụng nêu trên là diện tích sử dụng tối đa.

3. Đối với biên chế tính theo báo cáo của Đơn vị, trường hợp khi phê duyệt dự án biên chế thay đổi theo Quyết định của VKSNDTC làm thay đổi nhóm quy mô xây dựng thì đơn vị phải báo cáo VKSNDTC điều chỉnh cho phù hợp trước khi thực hiện.

4. Chi phí thiết bị đồ gỗ là tối đa. Đồng thời yêu cầu đơn vị rà soát, đánh giá chất lượng các thiết bị hiện đang sử dụng, trường hợp còn sử dụng được cần tận dụng để giảm chi phí đầu tư, tránh lãng phí trong việc quản lý sử dụng tài sản công.